

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3008** /2015/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **12** tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/4/2014 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 49/2009/TT-BTC ngày 12/3/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVI, kỳ họp thứ 13 về việc phê duyệt Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2312/STC-QLNS&THTK ngày 30/6/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tên giao dịch quốc tế: Thanh Hoa Development Investment Fund.

Tên giao dịch viết tắt: THDIF.

1. Địa vị pháp lý: Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước của tỉnh; thực hiện chức năng đầu tư tài chính và đầu tư phát triển. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng

cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Nguyên tắc hoạt động:

a) Quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

3. Vốn điều lệ:

a) Tổng vốn điều lệ của Quỹ là 150 tỷ đồng, được hình thành từ các nguồn ngân sách của tỉnh, trong đó năm 2015 bố trí 100 tỷ đồng từ nguồn sắp xếp nhiệm vụ chi và nguồn tăng thu năm 2015 và 50 tỷ đồng còn lại được bố trí trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

b) Ngoài nguồn vốn điều lệ ban đầu nói trên, vốn điều lệ hằng năm được bổ sung trực tiếp từ các nguồn: ngân sách tỉnh, nguồn tích lũy lợi nhuận sau thuế hình thành từ hoạt động của Quỹ; các nguồn vốn tài trợ, viện trợ khác của các tổ chức trong và ngoài nước.

4. Cơ chế quản lý tài chính của Quỹ thực hiện theo Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Trụ sở của Quỹ đặt tại Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa. Khi có đủ điều kiện Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định xây dựng trụ sở mới.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Huy động vốn

a) Quỹ được huy động vốn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguồn vốn huy động là nguồn vốn trung và dài hạn (là các nguồn vốn có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở lên).

- Hình thức huy động vốn theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 138/2007/NĐ-CP).

- Đảm bảo giới hạn huy động vốn theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

- Thẩm quyền huy động vốn thực hiện theo quy định tại Quy chế huy động vốn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

- Hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương: Quỹ được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ xây dựng Quy chế huy động vốn trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Quy chế huy động vốn phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Mục đích huy động vốn;
- Các nguồn vốn và hình thức huy động;
- Quy trình xây dựng và thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn từ các nguồn theo quy định của pháp luật;
- Kế hoạch quản lý và sử dụng vốn huy động;
- Kế hoạch và trách nhiệm trả nợ lãi, gốc khi đến hạn.

2. Đầu tư trực tiếp vào dự án

a) Đối tượng đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2013/NĐ-CP).

b) Điều kiện đầu tư và phương thức đầu tư áp dụng theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

c) Hình thức đầu tư

- Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng hợp tác công - tư (PPP) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.

- Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

d) Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

đ) Thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

3. Cho vay đầu tư

a) Đối tượng cho vay, lãi suất cho vay, quy định về cho vay hợp vốn thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

b) Điều kiện cho vay, thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư, thời hạn cho vay, đảm bảo tiền vay, phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư, xử lý rủi ro, thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 16, 18, 19 và 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

4. Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế

a) Hình thức góp vốn thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

5. Nhận ủy thác và ủy thác

a) Nhận ủy thác

- Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

- Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quỹ phát triển đất và các quỹ tài chính địa phương khác do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Việc ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

b) Ủy thác

- Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

- Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

7. Giới hạn đầu tư

a) Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

b) Giới hạn cho vay

- Giới hạn cho vay đối với một dự án không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

c) Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp khác với quy định của Nghị định số 37/2013/NĐ-CP thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện đầu tư trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

b) Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích.

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

đ) Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

e) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Quyền hạn

a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

b) Được lựa chọn các dự án có hiệu quả phù hợp với kế hoạch và cơ cấu đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh để quyết định đầu tư. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Được lựa chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

d) Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ.

đ) Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

e) Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Vốn hoạt động của Quỹ

Vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động.

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

a) Vốn điều lệ thực có;

b) Quỹ dự phòng tài chính;

c) Quỹ đầu tư phát triển;

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động

Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

d) Giới hạn huy động vốn: Tổng mức vốn huy động tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ

Quỹ tổ chức theo mô hình hoạt động độc lập. Tổ chức bộ máy của Quỹ bao gồm: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

1. Hội đồng quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm Giám đốc Quỹ; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là lãnh đạo Sở Tài chính và 02 thành viên Hội đồng quản lý là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thanh Hóa.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm (trừ Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động chuyên trách), được hưởng các chế độ và quyền lợi khác theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban Kiểm soát Quỹ

a) Ban Kiểm soát có 03 thành viên, gồm: Trưởng Ban và 02 thành viên.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

b) Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

d) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm, được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Bộ máy điều hành Quỹ

a) Bộ máy điều hành Quỹ gồm: Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Bộ máy điều hành Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

b) Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

d) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc tăng, giảm các bộ phận nghiệp vụ và tổng số lao động hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định phân công, phân cấp tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Số lượng, tên gọi các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định căn cứ thực tế hoạt động của Quỹ, phù hợp với quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ nhưng tối đa không quá 04 phòng.

Trong thời gian đầu hoạt động, số lượng cán bộ của Quỹ tối đa không quá 16 người, với 04 phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kế hoạch - Thẩm định.
- Phòng Quản lý dự án đầu tư.
- Phòng Tín dụng và Quản lý vốn ủy thác.
- Phòng Tài chính tổng hợp - Hành chính tổ chức.

Hàng năm, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, khối lượng công việc, khả năng tài chính, Giám đốc Quỹ được ký hợp đồng lao động, đảm bảo cho việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không được vượt quá số lao động hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ; tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm các chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát Quỹ theo quy định.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này; chỉ đạo Giám đốc Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, cơ chế quản lý tài chính của Quỹ, cơ chế huy động vốn của Quỹ, thông qua Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để làm cơ sở hoạt động.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện những công việc có liên quan đến tổ chức bộ máy, xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện cơ cấu tổ chức bộ máy, tình hình quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức của quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan cân đối nguồn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

6. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay, huy động vốn của Quỹ; phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay, huy động vốn của Quỹ.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Uoht*

Nơi nhận:

- Như Điều 7 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC. (thaoht15282).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Đình Xứng